

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 06 - 01 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải Hà**Các Thẩm phán:** Ông Dương Hùng Quang

Ông Đặng Minh Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thuý An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2024/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 109/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2024/QĐXX-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Lý Thị Tuyết M, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Nguyễn Đông D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 41, đường N, khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Tòa án không T tập)**

1/ Ông Lý Hà N; Sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2/ Ban quản lý rừng phòng hộ Đ; Địa chỉ: ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3/ Bà Từ Hồng H; Sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Chân:*

1/ Ông Nguyễn Tấn Lập, sinh năm 1962

2/ Bà Nguyễn Hồng Xa, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Nguyễn Minh Phụng, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp Mai Vinh, xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

4/ Ông Nguyễn Thanh Vũ, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp Ông Nguơn, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

5/ Bà Nguyễn Cẩm Bình, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

6/ Ông Nguyễn Văn Thường, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp Bảo Vĩ, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

7/ Bà Nguyễn Ngọc Trâm, sinh năm 1978.

8/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tắc Biển, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Thị Tuyết M, là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lý Thị Tuyết M tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Hiện tại ông bà đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Lý Thị Tuyết M.

Về nuôi con chung: gồm 02 người, tên Nguyễn Thiên Phú, sinh năm 2005 và Nguyễn Lý Thiên Kim, sinh ngày 12/3/2012. Hiện hai cháu đang sống cùng ông. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng ở ai thì người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trước đây cha mẹ ông có một phần đất có 02 khoảnh do vợ chồng và ông Nguyễn Thanh Vũ quản lý. Chỉ giao cho quản lý sử dụng, tài sản có trước khi ly hôn. Giá trị phần đất ông không xác định và sau này ông có nguyện vọng để lại cho con. Đối với căn nhà gắn liền với đất ông thống nhất giá trị 1.000.000.000 đồng, ông đồng ý nhận giá trị 500.000.000 đồng. Ngoài ra ông có cổ phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 30.784,1m<sup>2</sup> với số tiền 120.000.000 đồng và nhận chuyển nhượng lại vào năm 2005-2006 với giá 240.000.000 đồng. Ông cưới vợ năm 2004, phần đất này do ông đứng tên. Nguồn gốc tiền sang

vuông là do mẹ ông cho ông. Ông không xác định được giá trị. Phần đất này ông đã cố và sang nhượng lại cho người khác vào năm 2019 với giá 700.000.000 đồng. Hiện nay ông đang canh tác đến tháng 10 năm 2021 ông sẽ trả lại cho chủ. Khi cố và chuyển nhượng cho người khác bà M không biết nên ông không thống nhất chia hai phần đất nêu trên cho bà M.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lý Thị Tuyết M trình bày:*

Về hôn nhân: Như ông T trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Đã được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về nuôi con chung: gồm 02 người, tên Nguyễn Thiên Phú, sinh năm 2005 và Nguyễn Lý Thiên Kim, sinh ngày 12/3/2012. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng ở ai thì người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà M yêu cầu chia các tài sản chung cụ thể:

Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 77.245,2m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 86.006,5m<sup>2</sup>), tọa lạc tại Ấp Tác Biễn, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, trị giá 1.000.000.000 đồng. Nguồn gốc phần đất là do cha mẹ chồng bà cho vợ chồng bà và ông Nguyễn Thanh Vũ. Trên bản đồ do cơ quan địa chính đã có tách ra làm hai thửa cho vợ chồng bà và ông Vũ. Nay bà yêu cầu chia đôi tài sản và yêu cầu nhận đất và một căn nhà gắn liền trên đất trị giá 1.000.000.000 đồng, nhà xây dựng năm 2015 bà yêu cầu được nhận giá trị 500.000.000 đồng.

Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 30.784,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tác Biễn, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, trị giá 1.000.000.000 đồng. Nguồn gốc phần đất là do ông bà nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 2015. Bà yêu cầu nhận đất và thanh toán giá trị tương đương cho ông T.

*Ban quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi trình bày:* Đối với phần đất có diện tích 77.245,2 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Tác Biễn, xã Viên An Đông, phần đất này được Ban Quản lý bảo vệ và Phát triển rừng Tác Biễn (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi) hợp đồng giao khoán cho hộ gia đình bà Lê Thị Cơ tại hợp đồng số 73/207 HD/GKĐLN cấp ngày 11/7/1997 đã hết thời gian hợp đồng khoán vào ngày 01/7/2017 tại thửa số 1361, khoảnh 21, Tiểu khu 207; diện tích giao khoán 9,3ha. Hiện nay, phần đất này chưa thiết lập hợp đồng giao khoán mới do: Gia đình đã tách 01 phần diện tích cho ông Nguyễn Thanh Vũ; phần còn lại ông Nguyễn Minh T đang trực tiếp canh tác và đã có tranh chấp trong nội bộ gia đình. Nguồn gốc đất: Do gia đình bà Lê Thị Cơ tự khai phá sau đó được Ban Quản lý bảo vệ và Phát triển rừng Tác Biễn thiết lập hợp đồng giao khoán.

Đối với phần đất diện tích 30.784,1 m<sup>2</sup> theo sổ hợp đồng giao khoán số 1291. Phần đất này do ông Nguyễn Minh T chuyển nhượng thành quả lao động từ Hợp đồng giao khoán số 250/204 HĐ/GKĐLN ngày 02/01/2002 của ông

Phạm Văn Thái đã được Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhung Miên (nay là Ban quản lý rừng phong hộ Đất Mũi) đồng ý cho chuyển nhượng thành quả lao động. Hiện nay phần đất đã được thiết lập hợp đồng khoán cho hộ gia đình ông Nguyễn Minh T, ông T là người đại diện hộ gia đình ký Hợp đồng số 1291 tại thửa 196+197, khoảnh 7, Tiểu khu 204, diện tích 30.784.1m<sup>2</sup>.

Việc gia đình ông Nguyễn Minh T chuyển đất cho ông Nguyễn Thanh Vũ và ông Nguyễn Minh Phụng cũng như việc ông Nguyễn Thanh Vũ đã chuyển nhượng phần đất cho ông Lý Hà Nam là gia đình tự thỏa thuận, không thông qua Ban quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi. Việc làm của gia đình ông Nguyễn Minh T (tự tách thửa, tự chuyển nhượng) là việc làm không được cho phép của cơ quan chủ quản. Đồng thời tại thời điểm chuyển nhượng căn cứ điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 thì hộ dân nhận khoán đất lâm nghiệp không đủ điều kiện để lập thủ tục tặng, cho, thừa kế tài sản đất Lâm nghiệp.

Về yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Lý Thị Tuyết M : Việc phân chia tài sản sau ly hôn là việc thỏa thuận của 02 bên và theo quy định của pháp luật đơn vị không có ý kiến về vấn đề này. Về việc xin chia tách thửa sau khi ly hôn: Hiện tại, đơn vị không tiếp nhận giải quyết các trường hợp chuyển nhượng, tặng, cho, tách thửa... theo ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 222/TB-SNN ngày 29/7/2020 về “ý kiến kết luận của Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ông Trần Văn Thúc về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện giao khoán rừng, vườn cây và diện tích nuôi trồng thủy sản theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP”.

*Ông Nguyễn Thanh Vũ trình bày:* Trước đây cha mẹ ông có một phần đất, diện tích 9,3ha thửa số 1360, tiểu khu 207 thì cha mẹ ông có nói là cho vợ chồng anh Triệu canh tác. Phần đất hiện trạng đã có thành hai khoảnh, chỉ cho canh tác chứ không có chuyển quyền sử dụng. Sổ hợp đồng giao khoán vẫn còn tên cha mẹ ông. Ông không thống nhất theo ý của bà M, quyền quyết định là của cha ông là ông Nguyễn Văn Chân, sinh năm 1942, đại chỉ ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Còn các tài sản khác chị Mai yêu cầu ông không có ý kiến. Ông thống nhất với kết quả đo đạc và thẩm định giá.

*Ông Nguyễn Tấn Lập trình bày:* Mẹ ông là bà Cơ có phần đất nuôi trồng thủy sản, phần đất này được tách ra làm 02 thửa, giao cho ông Vũ quản lý 01 phần, giao cho vợ chồng ông T quản lý 01 phần. Phần đất giao cho ông T quản lý nếu không quản lý nữa thì giao lại cho anh em trong gia đình quản lý để sau này con ông T lớn sẽ giao lại cho con ông T. Nay bà M yêu cầu chia phần đất trên thì ông không đồng ý vì phần đất này là đất của cha mẹ ông, chỉ cho quản lý sử dụng không phải cho luôn.

*Bà Nguyễn Hồng Xa trình bày:* Mẹ bà có phần đất nuôi trồng thủy sản, phần đất được chia làm 02 phần, giao cho ông Vũ quản lý 01 phần, giao cho vợ chồng ông T quản lý 01 phần nhưng chỉ giao cho quản lý không có cho luôn.

Khi vợ chồng ông T xảy ra mâu thuẫn thì gia đình họp lại, giao lại phần đất đã giao cho vợ chồng ông T trước đây cho ông Nguyễn Minh Phụng quản lý. Tuy nhiên, kể từ khi giao lại cho ông Phụng thì ông Phụng vẫn để cho ông T sử dụng để có thu nhập lo cho các con. Phần đất vẫn đang đứng tên cha mẹ bà. Nay bà M yêu cầu chia phần đất mà trước đây bà C giao cho vợ chồng bà M quản lý sử dụng thì bà không đồng ý vì đây không phải là tài sản chung của vợ chồng bà M mà đây là tài sản của cha mẹ bà, chỉ cho vợ chồng bà M quản lý để có tiền lo cho các con.

*Ông Nguyễn Minh Phụng trình bày:* Mẹ ông có phần đất nuôi trồng thủy sản, phần đất này được tách ra làm 02 thửa, giao cho ông Nguyễn Thanh Vũ quản lý 01 thửa, giao cho vợ chồng ông T quản lý 01 thửa, phần đất mà ông T quản lý đã được ông T và ông Nguyễn Văn Chân làm văn bản giao lại cho ông quản lý nhưng không có thông qua Ban quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi. Kể từ khi được giao quản lý phần đất trên thì ông vẫn cho vợ chồng ông T tiếp tục quản lý để có tiền lo cho các con ăn học. Ông xác định khi bà C giao phần đất cho vợ chồng ông T thì chỉ giao cho quản lý chứ không cho luôn. Nay bà M yêu cầu chia phần đất thì ông không đồng ý do đây là phần đất mà cha ông là ông Nguyễn Văn Chân đã giao lại cho ông quản lý, ông chỉ cho vợ chồng ông T quản lý sử dụng, nếu không sử dụng thì trả lại cho ông. Mặt khác, phần đất vẫn còn đứng tên cha mẹ ông. Ông thống nhất với kết quả đo đạc và thẩm định giá.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 109/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hãn đã quyết định (tóm tắt):*

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lý Thị Tuyết M .

Về nuôi con chung: Bà Lý Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lý Thiên Kim, sinh ngày 12/3/2012.

Ông Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Lý Thị Tuyết M .

Về chia tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lý Thị Tuyết M về yêu cầu tài sản chung với ông Nguyễn Minh T, buộc Ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lý Thị Tuyết M  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung với số tiền 869.211.300 đồng (Tám trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm mười một nghìn ba trăm đồng).

Ông Nguyễn Minh T được tiếp tục quản lý đất có diện tích 30.784,1 m<sup>2</sup> theo sổ hợp đồng giao khoán số 1291 (vị trí thửa đất có sơ đồ đo đạc kèm theo) và một căn nhà gắn liền với phần đất đất diện tích 77.245,2 m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế 86.006,5m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Tắc Biển, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hãn.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho bà Lý Thị Tuyết M chi phí đo đạc và thẩm định giá với số tiền 16.863.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) (tính tròn số).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lý Thị Tuyết M về yêu cầu chia đôi phần đất giao khoán, diện tích 77.245,2 m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế 86.006,5m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Tắc Biển, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hổ đối với ông Nguyễn Minh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/10/2024 bị đơn bà Lý Thị Tuyết M kháng cáo, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia ½ tài sản chung là thành quả lao động của bà và ông T đã tạo lập trong thời kỳ hôn nhân đã được hai bên xác nhận giá trị tài sản và thành quả lao động chung có giá trị là 4.422.432.600 đồng. Do không có đất sản xuất nên bà yêu cầu được nhận phần đất giao khoán rừng và đất sản xuất rừng theo hồ sơ giao khoán số 1291 ngày 05/7/2015 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nhung Miên giao cho hộ ông Nguyễn Minh T; đồng thời bà đồng ý trả tiền lại cho ông T bằng ½ giá trị tài sản này.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên toà để đương sự thu thập, cung cấp chứng cứ liên quan đến giá trị thành quả lao động, công bồi đắp cải tạo đối với phần đất diện tích 77.245,2 m<sup>2</sup>.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, bà Lý Thị Tuyết M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Căn cứ kháng cáo bà Lý Thị Tuyết M cho rằng bà có công đóng góp trong phần đất diện tích 77.245,2m<sup>2</sup> nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét, hiện bà Lý Thị Tuyết M đang nuôi con và không có đất canh tác.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lý Thị Tuyết M , thấy rằng:

[2.1] Bà M xác định mặc dù diện tích đất 77.245,2m<sup>2</sup> có nguồn gốc của mẹ chồng nhận giao khoán nhưng vợ chồng bà trực tiếp canh tác trong suốt thời gian từ khi kết hôn năm 2004 với ông Nguyễn Minh T đến khi ly hôn, vợ chồng bà đầu tư cải tạo trên đất sinh lợi nhuận. Bà M cũng thừa nhận nguồn tiền sinh lợi từ phần đất này dùng để chuyển nhượng thành quả lao động phần đất diện tích 30.784,1m<sup>2</sup> và xây nhà. Như vậy, việc vợ chồng bà M sử dụng một phần đất của gia đình ông T sinh ra lợi nhuận để tạo tài sản riêng cho mình là đã có lợi

hơn so với những người con khác của cụ Lê Thị Cơ. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị Tuyết M về công sức đóng góp đối với phần đất diện tích 77.245,2m<sup>2</sup>.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà Lý Thị Tuyết M về việc yêu cầu nhận phần đất giao khoán rừng và đất sản xuất rừng theo hồ sơ giao khoán số 1291 ngày 05/7/2015 của Ban quản lý rừng phòng hộ Nhung Miên giao cho hộ ông Nguyễn Minh T; đồng thời bà đồng ý trả tiền lại cho ông T bằng ½ giá trị tài sản này. Tại phiên tòa, ông T không thống nhất với yêu cầu của bà M và cho rằng ông là người trực tiếp quản lý canh tác, bà M chỉ nội trợ, chăm con. Xét bản án sơ thẩm nhận định phần đất này hiện tại ông T đang đứng tên đại diện hộ gia đình trên hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi và trực tiếp quản lý, canh tác nên ông T được tiếp tục quản lý và canh tác, ông T có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị thành quả cho bà M. Nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, thực tế khi bà M không còn sống chung với ông T vào năm 2021, ông T là người đầu tư, quản lý canh tác, bà M nhận được ½ giá trị theo kết quả thẩm định giá cung cấp là 481.242.000 đồng, kết quả định giá cả ông T và bà M đều thống nhất đúng với giá thực tế nên bà M cũng không bị thiệt thòi gì về quyền lợi. Do đó, cần giữ nguyên bản án của cấp sơ thẩm đã giao cho ông T quản lý, canh tác, thuận lợi trong việc ký kết hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ, không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị Tuyết M.

[3] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ xem xét công sức cải tạo, bồi đắp đất cho bà Lý Thị Tuyết M. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, do đó, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lý Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33; Điều 38; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị Tuyết M. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 109/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lý Thị Tuyết M về yêu cầu chia tài sản chung với ông Nguyễn Minh T, buộc ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lý Thị Tuyết M  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung với số tiền 869.211.300 đồng (*Tám trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm mười một nghìn ba trăm đồng*).

Ông Nguyễn Minh T được tiếp tục quản lý đất có diện tích 30.784,1m<sup>2</sup> theo sổ hợp đồng giao khoán số 1291 (vị trí thửa đất có sơ đồ đo đạc kèm theo) và một căn nhà gắn liền với phần đất đất diện tích 77.245,2 m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế 86.006,5m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Tắc Biển, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiến.

**2.** Buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho bà Lý Thị Tuyết M chi phí đo đạc và thẩm định giá với số tiền 16.863.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) (tính tròn số).

*Kể từ ngày bà Lý Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh T không thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

**3.** Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lý Thị Tuyết M về yêu cầu chia đôi phần đất giao khoán, diện tích 77.245,2 m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế 86.006,5m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp Tắc Biển, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiến đối với ông Nguyễn Minh T.

**4.** Về án phí:

*4.1. Án phí sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 38.076.000 đồng. Ông T đã dự nộp số 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006490 ngày 01/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hửợc đối trừ, phần còn thiếu ông T tiếp tục nộp.

Bà Lý Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 122.273.000 đồng. Bà Lý Thị Tuyết M đã dự nộp số tiền 28.500.000 đồng theo biên lai thu số 0019769 ngày 27/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hửợc đối trừ phần còn thiếu bà M tiếp tục nộp.

*4.2. Án phí phúc thẩm:* Bà Lý Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18 tháng 10 năm 2024, bà M đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (biên lai số 0015173) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hửợc chuyển thu.



5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hà**

